

Q326A077386
(DKTN26003589.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/07/2026

Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu
Name of sample : **MẪU 2: XĂNG E10 CÓ PHỤ GIA**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dụng cụ chứa: 1 chai nhựa (500 mL) / *Container: 1 plastic bottle (500 mL)*
- Số đơn vị/mẫu: 450 mL / *Unit/sample: 450 mL*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 29/06/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 29/06/2026 - 08/07/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XĂNG DẦU KHÍ ĐÓT SÀI GÒN**
Số 85 Hoàng Sa, Phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

PHỤ TRÁCH PTN DẦU KHÍ
HEAD OF PETROLEUM TESTING LAB



Đinh Hoàng Huy

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326A077386
(DKTN26003589.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

08/07/2026

Trang/ Page: 2/2

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result
7.1	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi) Existent gum content (washed)	mg/100 mL	ASTM D381 - 22	0,5
7.2	Hàm lượng nước Water content	% (v/v)	ASTM E203 - 24	0,15
7.3	Ăn mòn lá đồng (50 °C, 3 h) Copper strip corrosion (50 °C, 3 h)	Loại	ASTM D130 - 19	1b
7.4	Độ ổn định oxy hóa ở 100 °C Oxidation stability at 100 °C	min	ASTM D525 - 12a (2019)	> 480 (***)

Ghi chú / Note:

- ASTM: American Society for Testing and Materials
- (***) : Giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ) / Limit of quantification of method

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.